

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 03 - 2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TL-DSST ngày 03/12/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Làu Mỹ Th; địa chỉ: Ấp 6, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh Đồng Nai – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Diệp Quốc S; địa chỉ: Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, thôn 2, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

- Cháu Làu Hữu T, sinh năm: 20/01/2017; địa chỉ: Ấp 6, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019; địa chỉ: Ấp 6, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu TN:

- Chị Làu Mỹ Th; địa chỉ: Ấp 6, xã Lộ 25, huyện TN, tỉnh Đồng Nai - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Diệp Quốc S; địa chỉ: Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, thôn 2, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Làu Mỹ Th trình bày: Chị Làu Mỹ Th chung sống với anh Diệp Quốc S từ năm 2016; đến ngày ngày 07 tháng 3 năm 2019, chị Th và anh Diệp Quốc S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh và đã được Ủy ban nhân dân Phường 10 cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm ăn tại phường 10, quận TB. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Anh S không lo làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi lang thang không chăm lo cho gia đình, nghiện ma túy từ lâu, gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S vẫn nghiện ngập ma túy. Năm 2019, chị và anh S đã sống ly thân, chị và các con đã về nhà ngoại sinh sống, anh S hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 theo Quyết định số 101/QĐ-TA ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Th cho rằng tình cảm đối với anh S không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức cho ly hôn với anh Diệp Quốc S.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Làu Hữu T, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu T và TN đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Diệp Quốc S trình bày: Anh S và chị Th chung sống với nhau từ năm 2016, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng do làm ăn thất bại nên anh S chán nản và hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tháng 05/2019, chị Th và 02 cháu đã bỏ nhà đi. Sau khi chị Th bỏ nhà đi, do chán nản và bạn bè lôi kéo nên đầu năm 2020, anh S có sử dụng ma túy và bị cơ quan có thẩm quyền đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 để cai nghiện với thời gian 18 tháng.

Khi chung sống với nhau, anh S và chị Th sinh sống tại phường 10, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh nhưng do làm ăn nên thường xuyên vắng mặt, không có ở nhà.

Hiện nay, chị Th yêu cầu ly hôn với anh thì anh S đồng ý và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Làu Hữu T, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019. Anh S đồng ý giao 02 cháu

T và TN cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Làu Mỹ Th, cho chị Làu Mỹ Th được ly hôn với anh Diệp Quốc S.

Về con chung: Giao cháu cháu Làu Hữu T, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản chung: do chị Th, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Làu Mỹ Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001301 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Làu Mỹ Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Diệp Quốc S, hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, thôn 2, xã ĐT, huyện TĐ; do đó, đây là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá

trình giải quyết vụ án, chị Th và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Th với anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 07/3/2019, chị Làu Mỹ Th và anh Diệp Quốc S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, chị Th cho rằng anh S không lo làm ăn; thường xuyên bỏ nhà đi lang thang không chăm lo cho gia đình; nghiện ma túy từ lâu, gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S vẫn nghiện ngập ma túy. Anh S thừa nhận do làm ăn thất bại nên dẫn đến chán nản, hai vợ chồng không quan tâm đến nhau; bên cạnh đó, anh S có lối sống không lành mạnh, ngày 14/3/2020 bị phát hiện nghiện ma túy, sống lang thang, không có nơi cư trú ổn định nên bị Tòa án nhân dân quận TP, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 18 tháng. Chị Th và anh S đã ly thân, không chung sống với nhau từ năm 2019. Chị Th xác nhận hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh S. Hội đồng xét xử xét thấy: với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th với anh S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#).

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Làu Hữu T, sinh năm: 20/01/2017 và cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng; anh S cũng đồng ý với yêu cầu trên của chị Th. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa chị Th và anh S là tự nguyện, đúng pháp luật, bảo đảm việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu T và TN nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Làu Mỹ Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001301 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Làu Mỹ Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Làu Mỹ Th được ly hôn với anh Diệp Quốc S.

2. Về con chung: Giao cháu Làu Hữu T, sinh ngày 20/01/2017 và cháu Làu Cát TN, sinh ngày 17/03/2019 cho chị Làu Mỹ Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Diệp Quốc S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Làu Mỹ Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001301 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

